

ĐƯỜNG LỐI KINH TẾ VÀ MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC CHIẾM ĐOẠT, KHAI THÁC MỎ CỦA THỰC DÂN PHÁP Ở VIỆT NAM (*)

TA THỊ THÚY*

Khi tiến hành xâm lược thuộc địa, người Pháp có chủ thuyết hằn hoi là biến các vùng đất chiếm được thành thị trường tiêu thụ hàng hóa của Pháp và cung cấp cho Pháp những nguồn nguyên liệu mà nó cần. Năm 1891, Etienne, một chính khách của Pháp nói: "... thuộc địa phải được đặc biệt dành riêng cho thị trường Pháp" (1). Méline, Giám đốc Hội Kỹ nghệ và Canh nông lúc đó còn nói rõ hơn: "Trong một tổ chức thuộc địa tốt, nền sản xuất thuộc địa chỉ được thu gọn trong việc cung cấp cho chính quốc nguyên liệu hay những vật phẩm gì ta không có. Mà nếu đi ra ngoài chức trách đó, nền sản xuất thuộc địa có thể cạnh tranh tác hại cho ta thì nó sẽ trở thành một địch thủ nguy hiểm" (2).

Năm 1895, Toàn quyền Đông Dương De Lanessan trong cuốn: *Công cuộc thực dân của người Pháp ở Đông Dương* cũng viết: "Trong số những ngành kỹ nghệ hiện có ở Đông Dương, thì ngành này (tức công nghiệp khai khoáng - TTT) cung cấp cho nước Pháp những nguyên liệu mà Pháp cần, ngành khác chỉ sản xuất ra những gì mà thuộc địa cần nhưng không gây nên tình trạng cạnh tranh với nền công nghiệp của chính quốc..." (3).

Năm 1923, Albert Sarraut Toàn quyền Đông Dương cũng viết trong cuốn *La Mise en valeur des colonies françaises* rằng: "Đối

với nước Pháp, cũng như đối với tất cả các nước đồng minh cũ, trừ Mỹ, những vấn đề về kinh tế quốc dân đã hoàn toàn đổi khác. Cái mà người ta tìm kiếm hiện thời - mặc dầu những vẻ ngoài lừa dối của một cuộc khủng hoảng tạm thời... không còn chỉ là những thị trường, đối tượng lo âu của các nhà kinh tế học thế kỷ vừa qua, mà là nguyên liệu. Trung tâm của đời sống kinh tế của các dân tộc, theo một sự tiến hóa nhanh chóng, đi từ sản phẩm chế tạo sang nguyên liệu" (4).

Nói tóm lại, xâm lược thuộc địa, trong đó có Đông Dương, người Pháp không chủ trương công nghiệp hóa các vùng đất chiếm được. Cái gọi là công nghiệp ở đây chỉ là công nghiệp chế biến những thứ không cạnh tranh với công nghiệp Pháp và là tăng cường khai thác tài nguyên mỏ để cung cấp nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp Pháp hay để các nhà tư bản Pháp xuất khẩu kiếm lời.

Và như vậy, chiếm và khai thác mỏ nằm trong đường lối xâm lược thuộc địa cũng có nghĩa là tư tưởng thuộc địa lớn nhất của Pháp. Tư tưởng này càng lúc càng tỏ ra quyết liệt hơn và ngày càng nhận được sự ủng hộ cuồng nhiệt không chỉ là của các quan chức cao cấp hay các chính khách ở chính quốc mà còn là và nhất là giới công nghiệp và những người hoạt động trong lĩnh vực mỏ ở thuộc địa.

Đối với Đông Dương nói chung, Việt Nam nói riêng, trong Thư đề ngày 2-1-1896 gửi Toàn quyền Đông Dương, các nhà thực dân người Pháp khi yêu cầu sửa đổi những quy định về quản lý mỏ trong Sắc lệnh ngày 16-11-1888 cho rằng: "... việc khai thác nguồn tài nguyên mỏ là một trong những yếu tố chính, nếu không muốn nói là cơ bản của sự thịnh vượng trong tương lai của Đông Dương của chúng ta" (5).

Rồi, ngày 18-6-1901, trong phiên họp toàn thể của Hội Địa lý thương mại Paris, có Toàn quyền Paul Doumer tham dự, kỹ sư mỏ J.Marc Bel có bài phát biểu nêu cao vị trí của ngành công nghiệp khai mỏ ở Đông Dương, rằng đó là "... một ngành công nghiệp... có thể góp phần rất lớn vào sự giàu có của nước nhà (tức nước Pháp), mà các dân tộc khác trên thế giới luôn luôn coi đó là một trong những động cơ mạnh nhất của các cuộc di cư của họ hay của sự nghiệp thực dân" (6).

Viên kỹ sư này kêu gọi tiến hành khai thác mỏ và xây dựng một ngành công nghiệp khai khoáng thật sự đối với "... cái nguồn tài nguyên giàu có mới và mạnh mẽ ấy, cái không phải một canh bạc về mỏ (une loterie minière), mà thật sự là một ngành công nghiệp khai khoáng (l'industrie minière)" (7).

Trong việc chiếm Việt Nam, người Pháp chú ý trước hết đến mỏ của Bắc Kỳ và cho rằng "... chính tương lai tốt đẹp nhất là giành cho Bắc Kỳ, nhờ vào sự giàu có về mỏ của nó... rằng Bắc Kỳ có những tài nguyên riêng vào loại quan trọng nhất..." (8) và rằng "có thể rút ra từ đất đai và lòng đất của nó một nguồn thu nhập lớn cho nước Pháp..." (9). Đó là lời của một viên kỹ sư mỏ Charpentier vào đầu thế kỷ XX trong một bài viết được được tác giả Phạm Đình Tân dẫn ra trong công trình của mình: *Chú*

nghĩa đế quốc Pháp và tình hình công nghiệp ở Việt Nam dưới thời thuộc Pháp.

Cùng với tiến trình của việc chiếm đất, các nhà thực dân đã tiến chiếm không phải chỉ mỏ than của Bắc Kỳ mà cả các loại mỏ kim loại của nó và không chỉ Bắc Kỳ mà cả ở Trung Kỳ, Lào và thậm chí nhóm ngó cả nguồn khoáng sản của các tỉnh phía Nam Trung Quốc. Và, không chỉ nhìn thấy giá trị về kinh tế của nguồn tài nguyên mỏ, các nhà cầm quyền, ngay từ cuối thế kỷ XIX đã nhìn thấy ý nghĩa to lớn về chính trị - xã hội của việc khai thác các khu mỏ, nhất là ở những vùng còn bị cho là "*rối loạn*". Cũng như đối với chính sách nhượng đất lập đồn điền, chính quyền thực dân đã hy vọng biến những khu khai mỏ thành những trung tâm thương mại và thu hút dân cư ra khỏi những khu vực quá đông đúc và nhờ việc khai mỏ mà giải quyết nhiều vấn đề khác, nói tóm lại "*nhất cử*" nhưng không phải là "*lưỡng tiện*" mà là "*hiếu cái tiện*".

Năm 1888, để thu phục thủ lĩnh băng đảng người Hoa đã đầu hàng là A Cốc Thượng, chính phủ bảo hộ chấp nhận nhượng mỏ vàng Hà Hiến ở Cao Bằng cho A (mỏ vàng này vốn do A khai thác trước đây). Không những vậy còn đồng ý cấp cho A dụng cụ khai thác và gạo ăn cho 80 nhân công người Hoa trong 2 tháng (10). Mặc dù theo quy định thì chỉ công dân, thần dân và dân bảo hộ Pháp mới được cấp nhượng mỏ ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

Năm 1890, khi người Pháp là Jeanning xin nhượng các mỏ vàng, bạc, kẽm ở địa hạt Lạng Giang, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, Kinh lược Hoàng Cao Khải đã gửi thư cho Thống sứ Bắc Kỳ (ngày 3-11-1890) đề nghị: "Vây xin tình sức cho những nơi có mỏ ấy hề thấy người Tây buôn ấy (tức Jeanning) đến khai mỏ mà có cần cu li hay là đồ dùng, đồ ăn gì thì giúp cho người ấy..." (11).

Lý do được Hoàng Cao Khải đưa ra là: "Tình ấy xét như một dãy núi đất ấy là cây cỏ rậm rạp, quân giặc nó hay ẩn lén mà tụ họp nhau nay người Tây buồn đến khai mỏ đặt đồn ở đó, mà giữa những quân giặc ở núi ấy thì dân sự sẽ được đông đảo đến mà làm thuê buôn bán, thuế nhà nước sẽ được nhiều hơn ra thiệt là sự có lợi ích lắm..." (12).

Trong các năm 90 thế kỷ XIX, khi tiến hành "*bình định*" nốt các tỉnh trên vùng thượng du Bắc Kỳ, bên cạnh việc đánh chiếm bằng quân sự, khai thác mỏ được chính quyền thuộc địa xem là một trong những giải pháp quan trọng hàng đầu để duy trì sự "*ổn định*" và "*đẹp yên*" được sự "*nổi loạn*" của dân chúng. Trong lá thư gửi Toàn quyền Đông Dương ngày 1-3-1890, Đại tá Gallieni, chỉ huy Đạo quan binh thứ 2 (Lạng Sơn) viết: "Tôi gửi cho ông lá thư của viên chỉ huy tiểu khu phố Bình Gia, liên quan đến những thông tin mà ông ta được hỏi về các mỏ vàng của khu vực này. Tôi rất đồng ý với những kết luận của viên sĩ quan cao cấp này. Đó là:

Nhiệm vụ đầu tiên của chúng ta là dành nguồn tài nguyên mỏ của vùng Thượng du Bắc Kỳ cho các nhà thực dân. Nhưng, chúng ta cũng phải tính đến tình hình chính trị hiện nay của xứ sở này.

... Hiện nay dân các làng trở về sau cuộc chinh phục (tức việc phá những băng đảng người Hoa trên vùng thượng du - TTT) đã yêu cầu được trở lại với công việc khai mỏ trước đây. Kết quả mà họ từng thu được và sẽ thu được thật ít ỏi do kỹ thuật quá sơ đẳng, nhưng cũng đủ để cho phép họ tồn tại và gắn họ với đất đai, tránh cho họ quay trở lại với các băng cướp mà họ đã từng phục vụ rất tận tụy do họ không thể làm khác. Bởi trước khi người Pháp tới Bắc Kỳ, các mỏ vàng ở đây là do các băng đảng người Hoa tiến hành khai thác... Nay phải khôi phục

lại những mỏ đó để kéo người bản xứ trở lại với công việc yên ổn và đủ để sinh lời và tôi đã cố gắng hết sức để làm được việc đó.

Đó cũng chính là đối với những thợ mỏ của mỏ Tống Tinh, gần Nguyên Bình, Cao Bằng. Cũng như vậy về phía Ngân Sơn...

Nói tóm lại, việc trở lại với công việc khai mỏ là một phần của chương trình bình định ở Đạo quan binh thứ hai. Nếu ngưng công việc này thì sẽ tước mất của người dân phương tiện sống và có thể sẽ ném họ trở lại với hàng ngũ của các băng cướp" (13).

Ở Trung Kỳ, năm 1890, Cotton xin nhượng mỏ than Nông Sơn với dự định sẽ lập văn phòng ở Nông Sơn, xây dựng 1 đường dây điện thoại kéo từ Đà Nẵng vào và một đường xe lửa nối giữa Nông Sơn và Đà Nẵng... Ngày 30-5-1890, Brou Thanh tra, Chánh chủ Sở Bưu điện ở Trung Kỳ gửi Khâm sứ nói rõ lợi ích của việc nhượng mỏ Nông Sơn là: "Làm như vậy, Nông Sơn sẽ trở thành 1 trung tâm dân cư và một nguồn thu về buôn bán cho chính quyền..." (14) và tỏ ý muốn trợ giúp mỏ vì "Chính quyền cao cấp cho rằng tương lai của xứ bảo hộ gắn liền với nguồn tài nguyên mỏ và muốn trợ giúp ở mức có thể" (15).

Năm 1889, trong Báo cáo ngày 4-8-1889, Chỉ huy quân sự Ngân Sơn gửi Chỉ huy quân sự Cao Bằng báo cáo về việc khai thác mỏ bạc Lucie ở Cao Bằng, có đoạn: "... quan trọng hơn là việc khai mỏ không chỉ vì lý do lợi nhuận mà còn là vì để lấy lại cho vùng này những hoạt động mà nó có từ xưa kia...

Việc khai thác thúc đẩy thợ mỏ mở rộng chợ và mở ra một thị trường mới cho sản xuất nông nghiệp của xứ này tăng gấp đôi trong một thời gian ngắn sự giàu có của khu vực.

Cần tiếp tục khai thác để lấy lại sự thịnh vượng đã mất từ 30 năm nay, dần dần trở lại

mỏ (vì mỏ này trước đây (1860) đã được Amock khai thác nhưng sau bị bỏ)" (16).

Cùng về mỏ này, ngày 29-1-1896, tướng Duchemin, chỉ huy quân đội Đông Dương gửi Tổng thư ký Phủ toàn quyền Đông Dương còn viết: "Tôi nghĩ... không phải chỉ là một vấn đề kinh tế mà còn cả về quân sự. Việc đó - tức việc khai thác mỏ đem lại việc làm cho một số người không có nguồn sống nào khác là làm giặc cướp. Bằng cướp Quay Cuộc Ly San và Chung Qui Hoa, đã chiếm vùng Lũng Két vào năm 1889 nơi Đại úy Ramadré bị giết chết năm 1890, đã được hình thành chính là từ các cựu thợ mỏ. Việc khai thác mỏ sẽ đưa chủ mỏ cũ (tức Amock) về trong vùng..."

Việc cấp nhượng tạm thời mỏ này cho người bản xứ sẽ có hiệu quả là kéo trở lại vùng này một số khá lớn công nhân người Hoa" (17).

Năm 1898, khi chuẩn bị xây dựng mỏ sắt Bản Vược (Lào Cai) thành một khu công nghiệp với việc khai thác mỏ sắt, xây dựng lò cao, với nhân công người Việt, người Hoa và với than của Vân Nam, kỹ sư mỏ Bélard cho rằng: "Việc lập một trung tâm công nghiệp tại thung lũng sông Hồng chỉ có thể là một sự kiện rất tốt. Nó sẽ là hạt nhân thu hút dân cư đến cư trú tại vùng này, dân vùng cao sẽ xuống ít nhất là vào mùa đông, dân từ Vân Nam cũng di cư xuống. Hơn nữa, khu công nghiệp này sẽ giúp cho việc buôn bán trên tuyến đường sắt được đảm bảo và hấp dẫn" (18).

Năm 1915, trong Thông tư tóm tắt ngày 24-3-1915 của Tổng Thanh tra Công chính Đông Dương có đoạn: "Việc duy trì hoạt động khai thác mỏ có thể biểu hiện hai lợi ích của địa phương: chính trị và kinh tế.

Lợi ích về chính trị nằm ở chỗ trước hết thể hiện trong việc cố định một dân cư cu li mỏ, những người bị tước đoạt mọi phương

tiện sinh sống, có thể tạo thành yếu tố của rối loạn, nhất là khi nó bao gồm cả những người Hoa, gần như luôn là những phần tử "không mong muốn" (indésirables). Chẳng hạn như sự hiện diện ở Kế Bào, 3 nhân viên người Âu và một dân cư tương đương với hơn 300 người Hoa.

Tôi bằng lòng trình bày, sau đây, một vài nhận xét về tầm quan trọng trên phương diện kinh tế của một số mỏ xứng đáng được kể đến ở Bắc và Trung Kỳ..." (19).

*

Tóm lại, xâm lược thuộc địa, mục tiêu của người Pháp không phải chỉ đơn thuần là biến thuộc địa thành thị trường tiêu thụ hàng hóa mà còn biến thuộc địa thành nơi cung cấp những nguồn nguyên liệu cần cho các ngành công nghiệp và thương nghiệp Pháp.

Và, không chỉ nhìn thấy giá trị về kinh tế của nguồn tài nguyên mỏ, các nhà cầm quyền Pháp, ngay từ cuối thế kỷ XIX đã nhìn thấy những tác dụng to lớn về chính trị - xã hội của ngành công nghiệp khai thác này. Nhờ vào việc đưa những người dân vốn thuộc về các băng đảng vào khai thác các khu mỏ, chính phủ thực dân hy vọng có thể bình định được những vùng còn bị cho là "rối loạn". Rồi, một khi được đưa vào khai thác, các khu mỏ sẽ trở thành những trung tâm đô thị lớn phát triển cả về công nghiệp, nông nghiệp và thương mại, đem lại nhiều lợi nhuận cho cho các nhà tư bản Pháp. Đồng thời nhờ vào việc khai mỏ mà thu hút dân ra khỏi những khu vực đồng bằng, giảm bớt sức ép về dân số và giải quyết được nhiều vấn đề khác. Nói tóm lại, khai thác mỏ không phải là một hành động "nhất cử, lưỡng tiện" mà là "nhiều cái tiện" đối với cả chính quyền và giới tư bản thực dân.

Vì thế, ngay từ khi tiến chiếm Việt Nam, thực dân Pháp đã không chậm trễ chiếm

đoạt quyền quản lý đối với khối công sản mở từ tay chính phủ Nam triều và tiến chiếm dần các khu mỏ ở các xứ Bắc Kỳ và Trung Kỳ của Việt Nam, rồi đưa các khu mỏ đã chiếm được vào khai thác. Trên thực tế, công cuộc này cho đến khi kết thúc chế độ thuộc địa ở Đông Dương nói chung đã đem lại cho chính phủ thực dân cũng như giới thực dân người Pháp những nguồn lợi nhuận khổng lồ cùng những lợi ích trên nhiều lĩnh vực.

Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của nền kinh tế thuộc địa nói chung, sự phát

triển của ngành công nghiệp mỏ đã kéo theo những thay đổi quan trọng trong đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của xã hội thuộc địa, tạo cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam một lợi thế ngoài ý muốn của Pháp. Đó chính là sự lớn mạnh của đội ngũ công nhân mỏ nói riêng, của giai cấp công nhân Việt Nam nói chung, lực lượng sẽ lãnh đạo phong trào dân tộc đánh đổ chính chế độ thuộc địa để xây dựng nên Nhà nước kiểu mới ở Việt Nam vào ngày 2-9-1945.

CHÚ THÍCH

(*). Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ phát triển khoa học và Công nghệ Quốc gia (Nafosted) trong đề tài mã số IV1.2-2011.16 (10/2012/IV/HD - KHXH).

(1). Dẫn theo Charles Robequain: *L'Évolution économique de l'Indochine française*, Paris, 1939, tr. 146.

(2). J. Harmand: *Domination et Colonisation*, 1910, p. 311. Dẫn theo Charles Robequain: *L'Évolution économique de l'Indochine française*, Paris, 1939, tr. 146

(3). De Lanessan: *La Colonisation française en Indochine*, Paris 1895, tr. 250-251.

(4). Albert Sarraut: *La mise en valeur des colonies françaises*, Paris, 1923, tr. 75.

(5). Trung tâm Lưu trữ Quốc gia (TTLTQG) IV Đà Lạt. RSA/HC/111 Réaction des colons français relative à ...

(6). (7). En Indochine - Du sous-sol. Conférence de M. J. - Marc Bel. Paris 1901, tr. 6, 18. Dẫn theo Phạm Đình Tân: *Chủ nghĩa đế quốc Pháp và tình hình công nghiệp ở Việt Nam dưới thời thuộc Pháp*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 105.

(8). (9). Henri Charpentier: *Le développement industriel et minier du Tonkin*, tr. 4, 5, 6.

Dẫn theo Phạm Đình Tân: *Chủ nghĩa đế quốc Pháp*. Sdd, tr. 36, 37.

(10). TTLTQG I-Hà Nội. RST. 76985. A/S cession de la mine d'or de Hà Hiến à l'ancien Chef de soumissionnaire A Cốc Thuýng 1888.

(11). TTLTQG I - Hà Nội. RST. 76763. Demande en concession de mines à Lục Nam (Bắc Giang) formulée par Jeanning fils 1890-1891.

(12). TTLTQG I - Hà Nội. RST. 76763.

(13). TTLTQG I - Hà Nội. RST. 77064. Demande d'exploitation des mines d'or à Phố Bình Gia, Lạng Sơn. 1895.

(14). TTLTQG IV. Đà Lạt. RSA.-HC.-126 RSA - HC-126 Mine Nông Sơn, Quảng Nam

(15). TTLTQG IV Đà Lạt. RSA.-HC.-126.

(16). TTLTQG I Hà Nội. RST. 76987. Mine d'Argent de "Lucie" à Compagnie Bédát et Saint Marthurin

(17). TTLTQG I Hà Nội. RST. 76987-1. A/S concession de la mine d'Argent de Lucie à Cao Bằng de Bédát 1888-1895, kỹ sư ngu tại Hà Phòng 1896-1901

(18). TTLTQG I Hà Nội. GGI. 2471. Renseignements sur les gisements de fer au Tonkin et minière à 1900.

(19). TTLTQG I Hà Nội. RST. 69.980. AS exploitation des concessions minières dans les provinces au Tonkin 1913-1915